TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12- 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận
Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Ly hôn" sơ thẩm thụ lý số 65/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1963
Bị đơn: Ông Trịnh Bạch L, sinh năm 1962
Cùng HKTT: Đường L, phường Đ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà H; Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Trịnh Bạch L sau thời gian tìm hiểu, yêu thương đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 9 năm 1988 và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có những suy nghĩ trái ngược nhau, quan điểm về cuộc sống không tương đồng. Ông L thường xuyên có mối quan hệ bên ngoài và có những hành động không tôn trọng bà. Cuộc sống hai bên không phù hợp với nhau. Nay bà xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Trịnh Bạch L là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Trịnh Bạch L có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh Ch, sinh ngày 25/5/1989 và cháu Trịnh Lê Linh Đ, sinh ngày 17/02/1997. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Bà Hạnh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Bạch L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà H sau thời gian tìm hiểu, yêu thương đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 9 năm 1988 và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng có những suy nghĩ trái ngược nhau, quan điểm về cuộc sống không tương đồng. Vợ chồng sống không hạnh phúc, không quan tâm đến nhau. Nay bà Hạnh có đơn xin ly hôn, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý. Ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng vì ông và bà H không có đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Ông và bà Lê Thị H có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh Ch, sinh ngày 25/5/1989 và cháu Trịnh Lê Linh Đ, sinh ngày 17/02/1997. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Ông Trịnh Bạch L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L là vợ chồng; Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh Ch, sinh ngày 25/5/1989 và Trịnh Lê Linh Đ, sinh ngày 17/02/1997. Hiện nay các con đã thành niên nên không giải quyết;

Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L chung sống như vợ chồng từ năm 1988 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Các bên không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, như vậy là hôn nhân không hợp pháp. Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà H và ông L công nhận có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh Ch, sinh ngày 25/5/1989 và Trịnh Lê Linh Đ, sinh ngày 17/02/1997. Hiện nay các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Bà H và ông L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và đã được Tòa án ra Quyết định miễn tiền tạm ứng án phí nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35 ngày 9 tháng 6 năm 2000; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Trịnh Bạch L là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận bà Lê Thị Hạ và ông Trịnh Bạch L có 02 con chung là cháu Trịnh Thị Linh Ch, sinh ngày 25/5/1989 và Trịnh Lê Linh Đ, sinh ngày 17/02/1997. Hiện nay các con đã thành niên nên không xem xét.

- Về tài sản và công nợ: Bà H và ông L không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ .